

Bản án số: 20/2026/HS-ST

Ngày: 02/02/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Phạm Thị Phương

+ Bà Lê Thu Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Toại - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2025/TLST-HS ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2026/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2026 đối với bị cáo:

Trần Văn K, sinh năm 1970; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; Căn cước công dân số 0370700016xx; Nơi sinh: Xã B, tỉnh Ninh Bình; Nơi ĐKKHKT, và cư trú: xóm K 2, xã B, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hoá: 07/12.

Bố đẻ: Trần Văn M sinh năm 1935; Mẹ đẻ: Lê Thị N, sinh năm 1934; Gia đình có 09 anh, chị em, bị cáo là con thứ bảy; Vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1983, cư trú tại xóm K 2, xã B, tỉnh Ninh Bình; Con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú” (Cố mật).

- Bị Hại : Phạm Văn L, sinh năm 1949; cư trú tại xóm K1 4, xã B, tỉnh Ninh Bình (tử vong ngày 19/07/2025).

- Đại diện hợp pháp của bị hại:

+ Vũ Thị M1, sinh năm 1953 địa chỉ: xóm K1 4, xã B, tỉnh Ninh Bình

+ Phạm Thị H1, sinh năm 1972; địa chỉ: xóm Đ, xã Đ, tỉnh Ninh Bình.

+ Phạm Thị H2 , sinh năm 1979 địa chỉ: xóm 4, xã B, tỉnh Ninh Bình

+ Phạm Thị H3, sinh năm 1976; địa chỉ: xóm M, xã B, tỉnh Ninh Bình.

+ Phạm Thị H4, sinh năm 1985 địa chỉ: xóm 2, xã B, tỉnh Ninh Bình.

+ Phạm Thị H5, sinh năm 1989; địa chỉ: xóm 4, xã B, tỉnh Ninh Bình.

+ Phạm Văn T3, sinh năm 1987; địa chỉ: xóm 4, xã B, tỉnh Ninh Bình.

- + Phạm Văn T4, sinh năm 1993; địa chỉ: xóm K1 4, xã B, tỉnh Ninh Bình.
- *Người đại diện theo uỷ quyền của các đại diện hợp pháp của bị hại:* ông Vũ Minh T5, sinh năm 1954; Địa chỉ cư trú tại: xóm K1 4, xã B, tỉnh Ninh Bình (Có mặt)
- **Người làm chứng:** Chị Trần Thị Xuân L1, sinh năm 1994; anh Đào Văn T6, sinh năm 1985; anh Phan Văn H7, sinh năm 1991 (*những người làm chứng đều vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn K là người có giấy phép lái xe theo quy định. Khoảng 06 giờ ngày 19/7/2025, K điều khiển xe ô tô tải BKS 35C - 041.54 (trên xe không chở hàng) lưu thông trên đường Quốc lộ 12B theo hướng xã K đi xã Đ, khi đi đến đoạn KM số 9+200 thuộc xóm K1 3, xã B, tỉnh Ninh Bình, Kim điều khiển xe đi giữa đường, đi trên vạch sơn kẻ đứt quãng màu vàng chia đường làm hai chiều xe chạy, lúc này có ông Phạm Văn L sinh năm 1949 trú tại xóm K1 4, xã B, tỉnh Ninh Bình đang đi xe đạp cùng chiều phía trước, ông L điều khiển xe đạp không có tín hiệu báo hướng rẽ vẫn đạp xe chuyển hướng sang đường. Quá trình điều khiển xe ô tô, Trần Văn K không tập trung quan sát, không phát hiện thấy người đi xe đạp cùng chiều phía trước có biểu hiện muốn chuyển hướng sang đường. Chỉ khi xe đạp sang đến giữa đường và cách xe ô tô khoảng hơn 20m K mới quan sát thấy ông L nên bấm còi, đạp phanh và đánh lái sang trái để tránh nhưng do khoảng cách gần nên đầu xe bên trái đã va chạm với phần bên trái xe đạp và ông L làm ông L bị ngã hất văng ra mép đường, xe đạp đổ ngH1g bên phải bị ô tô kéo rê trên đường, sau đó Kim đánh lái sang bên phải làm xe đạp hất văng vào vỉa hè, ô tô dừng lại. Hậu quả: Ông L tử vong trên đường đưa đi cấp cứu, xe ô tô và xe đạp bị hư hỏng.

Vật chứng thu giữ: Xe ô tô tải BKS 35C - 041.54 màu xanh, 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện, 01 giấy chứng nhận đăng ký đều của xe ô tô BKS 35C - 041.54, 01 giấy phép lái xe ô tô hạng C đều mang tên Trần Văn K và xe đạp khung nữ màu trắng bạc. 02 tệp tin video liên quan đến vụ việc.

Cơ quan điều tra đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện đối với xe ô tô BKS 35C - 041.54 và xe đạp khung nữ màu sơn trắng bạc; đo nồng độ cồn, xét nghiệm ma túy đối với Trần Văn K: Biên bản đo nồng độ cồn, ma túy đối với Trần Văn K. Kết quả: 0,000mg/L nồng độ cồn; Âm tính với chất ma túy.

Tại Kết luận giám định tử thi số 105/KLGĐTT-KTHS ngày 13/8/2025, Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Ninh Bình kết luận: “ Trên tử thi Phạm Văn L có các tổn thương mài trượt, sây sát da, tụ máu tập trung nhiều ở vùng đầu và bên trái cơ thể. Có dấu hiệu vỡ lún xương hộp sọ vùng đỉnh trái; tụ máu dưới da đầu và tụ máu màng xương vùng trán trái; vỡ phức tạp xương hộp sọ vùng trán trái, qua diện vỡ có máu và dịch não tủy chảy ra. Nguyên nhân chết: Chấn thương sọ não”

Tại Kết luận giám định số 244/KLG-KTHS ngày 04/9/2025, Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Ninh Bình kết luận: “Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong các tệp tin video gửi giám định.”

Tại bản kết luận định giá tài sản số 170/KL-HĐĐGTS ngày 11/9/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình kết luận: Xe ô tô BKS 35C-041.54 bị thiệt hại 539.000 đồng; Xe đạp bị thiệt hại 104.700 đồng.

Quá trình điều tra xác định xe ô tô BKS 35C-041.54, các giấy tờ của xe ô tô, giấy phép lái xe ô tô hạng C là tài sản của Trần Văn K; Xe đạp là tài sản của ông Phạm Văn L. Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Ninh Bình đã trả lại cho K và ông Vũ M2 (em vợ ông L) là người đại diện theo uỷ quyền. Cả hai đã nhận và không có yêu cầu hay đề nghị gì đối với thiệt hại của xe.

Về trách nhiệm dân sự: Trần Văn K đã bồi thường theo yêu cầu cho gia đình ông Phạm Văn L số tiền 80.000.000 đồng, gia đình ông L đã nhận, không có đề nghị gì khác đồng thời có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho K.

Tại bản cáo trạng số: 24/CT-VKS-KS ngày 12 tháng 12 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4- Ninh Bình đã truy tố bị cáo Trần Văn K về tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm a khoản 1, khoản 5 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, xem xét hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, giữ nguyên quyết định truy tố; căn cứ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, 65 của Bộ luật Hình sự:

+Tuyên bố bị cáo Trần Văn K phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

+ Xử phạt bị cáo Trần Văn K từ 18 đến 21 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 36 đến 42 tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND xã B quản lý giám sát trong thời gian thi hành án treo và thử thách.

- Căn cứ: khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14: Buộc bị cáo phải nộp 200.000^d án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo K thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4- Ninh Bình.

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, không có ý kiến bào chữa, không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xem xét hoàn cảnh bị cáo cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án Tòa án đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của chính bị cáo

tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của những người làm chứng.

Hành vi của bị cáo còn được chứng minh bằng: dữ liệu điện tử thu thập được là hình ảnh camera ghi lại diễn biến tai nạn giao thông; Biên bản khám nghiệm hiện trường + Sơ đồ hiện trường + ảnh hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra lập ngày 19/7/2025; Kết luận giám định số 244/KLG-KTHS ngày 04/9/2025; Kết luận giám định tử thi số 105/KLGĐTT-KTHS ngày 13/8/2025; Kết luận định giá tài sản số 170/KL-HĐĐGTS ngày 11/9/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình.

Như vậy đã có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 06 giờ ngày 19/7/2025; Trần Văn K là người có giấy phép lái xe theo quy định, điều khiển xe ô tô tải BKS 35C-041.54, lưu thông trên đường Quốc lộ 12B đoạn KM số 9+200 thuộc xóm K1 3, xã B, tỉnh Ninh Bình. Do không chú ý quan sát, không đi đúng phần đường nên không phát hiện thấy ông Phạm Văn L điều khiển xe đạp đi cùng chiều phía trước chuyển hướng đi ngang qua đường, khi phát hiện ra thì không đủ thời gian và khoảng cách để xử lý kịp nên phần đầu xe bên trái xe ô tô do K điều khiển đã va chạm với xe đạp; Hậu quả ông L ngã ra đường chấn thương sọ não dẫn đến tử vong. Hành vi đó của Trần Văn K đã vi phạm Khoản 28, Điều 9; Khoản 1, Điều 10 Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

“Điều 260. Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ

1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a, Làm chết người.....”

Như vậy hành vi của bị cáo Trần Văn K đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” thuộc trường hợp “làm chết người” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; đã bồi thường khắc phục toàn bộ hậu quả; Là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Đại diện của tất cả những bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự

Bị cáo phạm tội lần đầu, chưa từng bị xử lý về hành vi vi phạm pháp luật.

[3] Về hình phạt:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội được pháp luật bảo vệ cần phải xử lý nghiêm. Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật; hành vi phạm tội của bị cáo do lỗi vô ý, nhưng hậu quả nghiêm trọng; xét tính chất mức độ hành vi phạm của bị cáo cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, đối với bị cáo.

Bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; được tất cả đại diện hợp pháp của những người bị hại xin giảm nhẹ; là lao động chính trong gia đình; có nơi cư trú rõ ràng. Tai nạn xảy ra do bị hại khi sang đường không

quan sát không có tín hiệu chuyển hướng cũng có một phần lỗi dẫn đến hậu quả nghiêm trọng. Do đó bị cáo đủ điều kiện để Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo cũng đủ điều kiện răn đe, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội thể hiện sự khoan hồng và chính sách nhân đạo của pháp luật.

Bị cáo hành nghề lái xe là nghề nghiệp chính, lao động chủ yếu của gia đình nên không áp dụng hình phạt bổ sung cấm hành nghề đối với bị cáo

[4] Đối với ông Phạm Văn L điều khiển xe đạp chuyển hướng đi qua đường nhưng không chú ý quan sát, không có tín hiệu báo hướng rẽ đã chuyển hướng sang đường không an toàn là vi phạm khoản 2, Điều 15 Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Do ông L đã tử vong nên không xem xét xử lý.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Trần Văn K đã bồi thường cho gia đình ông Phạm Văn L số tiền 80.000.000 đồng, gia đình ông L đã nhận, không có đề nghị gì khác đồng thời có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Kim; do đó Hội đồng xét xử không xem xét lại vấn đề này.

[6] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra xác định xe ô tô BKS 35C-041.54, các giấy tờ của xe ô tô, giấy phép lái xe ô tô hạng C là tài sản của Trần Văn K; Xe đạp là tài sản của ông Phạm Văn L. Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Ninh Bình đã trả lại cho bị cáo K và ông Vũ Minh T5 là người đại diện theo uỷ quyền của đại diện hợp pháp của bị hại; việc trả lại các vật chứng này đúng quy định của pháp luật. bị cáo K và ông Vũ Minh T5 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu hay đề nghị gì đối với thiệt hại của xe do đó Hội đồng xét xử không xem xét lại vấn đề này.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình, Điều tra viên; Viện kiểm sát Khu vực 4- Ninh Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Về án phí: Bị cáo bị kết án là có tội nên phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ: Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ: khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn K, phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

2. Xử phạt: Bị cáo Trần Văn K 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho UBND xã K, tỉnh Ninh Bình nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thi hành án treo và thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: buộc bị cáo Trần Văn K phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai bị cáo, người đại diện theo ủy quyền của các đại diện hợp pháp của bị hại có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình: 01 bản;
- VKSND tỉnh Ninh Bình: 01 bản;
- VKSND khu vực 4 - Ninh Bình: 03 bản;
- Công an tỉnh Ninh Bình: 01 bản;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh (PC10): 01 bản;
- THADS tỉnh Ninh Bình: 01 bản;
- Bị cáo: 02 bản;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại: 01 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản;
- Lưu tòa và HCTP: 03 bản;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thế Anh

